

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST

Ngày: 09-9-2020

V/v Tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Thạnh.
2. Ông Phan Thanh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Bé B**, sinh năm 1979. (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Bé H**, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Lê Hồng D**, sinh năm 1968. (vắng mặt)

- Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1971. (có đơn xin vắng mặt)

- Bà **Nguyễn Thị Hồng L1**, sinh năm 1980. (có đơn xin vắng mặt)

- Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1950. (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

- Ông **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1978. *(có đơn xin vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu vực E, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.
- Bà **Trần Thị Cẩm T**, sinh năm 1985. *(có đơn xin vắng mặt)*
Địa chỉ: Ấp P, xã Tr, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bé B trình bày:**

Ông có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hụi, cụ thể:

- Hụi mùa 3.000.000 đồng, khai ngày 15/4/2016 (âm lịch), gồm có 15 phần. Ông tham gia 01 phần, đã góp được 12 lần x 3.000.000 đồng/lần = 36.000.000 đồng.
- Hụi tháng 1.000.000 đồng, khai ngày 15/8/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần. Ông tham gia 01 phần, đã góp được 16 lần x 1.000.000 đồng/lần = 16.000.000 đồng.
- Hụi mùa 2.000.000 đồng, khai ngày 20/7/2017 (âm lịch), gồm có 15 phần. Ông tham gia 02 phần, đã góp được 06 lần x 4.000.000 đồng/lần = 24.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi ông đã góp cho bà H là 76.000.000 đồng. Ông chưa hốt các dây hụi trên thì bà H tuyên bố bế hụi, ông nhiều lần yêu cầu bà H trả lại tiền hụi nhưng bà H chỉ trả cho ông số tiền 10.000.000 đồng, còn lại số tiền 66.000.000 đồng cho đến nay vẫn chưa trả lại cho ông. Do ông D là người trực tiếp đi gom tiền hụi nên nay ông yêu cầu bà H và ông D trả lại cho ông số tiền hụi là 66.000.000 đồng (*Sáu mươi sáu triệu đồng*).

*** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Lê Hồng D trình bày:**

Ông và bà Nguyễn Thị Bé H là vợ chồng, cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu vực 12, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Bà H có làm chủ hụi khoảng 10 năm nay, đến khoảng tháng 9 năm 2019 thì bế hụi. Do kinh tế gia đình quá khó khăn không có khả năng trả tiền hụi cho các hụi viên nên đến tháng 10/2019, ông và bà H đi đến tỉnh Bình Dương tìm việc làm.

Khi bà Bé H làm chủ hụi, ông Nguyễn Văn Bé B có tham gia chơi hụi nhưng ông không biết ông B tham gia bao nhiêu chân hụi. Ông thừa nhận bà H có nợ tiền hụi của ông B nhưng hiện nay ông chưa xác định được số tiền hụi bà H nợ ông B là bao nhiêu. Do bận đi làm nên bà H không đến Tòa án được, ông và bà H sẽ tính toán lại sổ hụi để xác định số tiền hụi còn nợ ông B.

Mặc dù việc tổ chức hụi là do bà H tự làm, ông không có tham gia nhưng do là vợ chồng nên ông đồng ý cùng bà H chịu trách nhiệm trả lại cho ông B số tiền hụi thực tế ông B đã đóng, yêu cầu ông B không tính tiền lãi.

*** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị L trình bày:**

Bà và ông Nguyễn Văn Bé B có quen biết nhau vì cùng tham gia hội do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hội. Bà và ông B cùng chơi chung 02 dây hội gồm:

- Hội mùa 2.000.000 đồng, khai ngày 20/7/2017 (âm lịch), gồm có 15 phần. Bà tham gia 01 phần, đã góp 06 lần với số tiền là 12.000.000 đồng, bà chưa hốt hội.

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/8/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần. Dây hội này bà tham gia 01 phần và đã hốt hội xong.

Bà chỉ biết bà có tham gia chơi hội cùng với ông B 02 dây hội trên, còn ông B tham gia mấy phần, đã góp bao nhiêu lần thì bà không biết rõ. Nay bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên bà yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án.

**** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Hồng L1 trình bày:***

Bà và ông Nguyễn Văn Bé B có quen biết nhau vì cùng chơi hội do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hội. Bà và ông B có tham gia chung 01 dây hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/8/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần. Bà tham gia 01 phần hội, ông B cũng tham gia 01 phần hội. Bà đã góp được 16.000.000 đồng, chưa hốt hội. Còn ông Bé B đã góp được bao nhiêu tiền và đã hốt hội hay chưa thì bà không biết.

Nay bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên bà yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án này.

**** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Văn C trình bày:***

Ông cùng vợ là bà Nguyễn Thị Bê có tham gia 02 dây hội do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hội, ông và bà Bê mỗi người tham gia 01 phần, gồm: Dây hội mùa 1.000.000 đồng và dây hội mùa 2.000.000 đồng, 03 tháng khai một lần, khai vào ngày nào thì ông không biết vì bà H không đưa ông danh sách hội viên hay giấy tờ gì về việc chơi hội cho ông, khi nào bà H kêu đóng tiền hội và đóng bao nhiêu tiền thì ông đóng.

Ông không biết có tham gia chung dây hội với ông Nguyễn Văn Bé B hay không. Ông chỉ biết chơi hội do bà H làm chủ, còn chơi chung với những ai thì ông không biết.

Nay ông không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên ông yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án này.

**** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Thành N trình bày:***

Ông và ông Nguyễn Văn Bé B có quen biết nhau vì cùng tham gia hội do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hội. Ông và ông B có tham gia chung 01 dây hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/8/2017 (âm lịch), gồm có 16 phần. Ông tham gia 02 phần, còn ông B thì tham gia 01 phần. Ông đã góp được số tiền 14.000.000 đồng/phần hội, ông đã hốt được 1 phần, còn lại 01 phần trừ tiền còn 500.000 đồng thì bà Bé H còn nợ ông số tiền 13.500.000 đồng. Còn ông B góp được bao nhiêu tiền và hốt hội chưa thì ông không biết.

Nay ông không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên ông yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án này.

*** *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Cẩm T trình bày:***

Bà và ông Nguyễn Văn Bé B có quen biết nhau vì cùng chơi hội do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hội, tên của ông B ghi trong giấy hội là Mùi. Bà và ông B có tham gia chung 01 dây hội 3.000.000 đồng, khai ngày 15/4/2016 (âm lịch), gồm có 15 phần. Bà tham gia 01 phần, bà đã góp được số tiền hơn 30.000.000 đồng, bà chưa hốt hội. Còn ông B tham gia mấy phần hội, đã góp được bao nhiêu tiền và đã hốt hội chưa thì bà không biết.

Nay bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên bà yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án này.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bé B thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông B yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D cùng chịu trách nhiệm trả cho ông số tiền hội là 58.800.000 đồng (*Năm mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng*).

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng D vắng mặt không có lý do; bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Hồng L1, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Thành N và bà Trần Thị Cẩm T có đơn xin vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hội”, xác định tư cách đương sự và tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định.

+ Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông B, ông D, bà L, bà L1, ông C, ông N và bà T cùng xác định bà H có làm chủ hội, quá trình làm hội có phát sinh tranh chấp nên ông B khởi kiện, do đó quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hội*”. Đây là tranh chấp dân sự giữa cá nhân với cá nhân, được pháp luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 và Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do; bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Hồng L1, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Thành N và bà Trần Thị Cẩm T có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Từ năm 2016 đến năm 2017, bà H có làm chủ hội nhiều dây hội, ông B có tham gia 03 dây hội, cụ thể:

- Hội mùa 3.000.000 đồng, 03 tháng khai 01 lần, khai ngày 15/4/2016 (âm lịch), gồm có 15 phần, hội viên gồm có ông B, bà T và một số người khác không rõ họ tên và địa chỉ. Ông B tham gia 01 phần và đã góp được 12 lần, trung bình mỗi lần góp khoảng 2.650.000 đồng, tổng số tiền ông B đã góp là 31.800.000 đồng; bà T đã góp được hơn 30.000.000 đồng. Ông B và bà T đều chưa hót hội.

- Hội tháng 1.000.000 đồng, khai ngày 15/8/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần, hội viên gồm có ông B, bà L, bà L1, ông N và một số người khác không rõ họ tên và địa chỉ. Ông B tham gia 01 phần và đã góp được 16 lần; bà L1 đã góp 16.000.000 đồng, ông N đã góp 28.000.000 đồng. Bà L tham gia 01 phần và đã hót hội xong, còn ông B, bà L1 và ông N chưa hót hội. Dây hội này đã mãn, ông B hót chót được số tiền 16.000.000 đồng.

- Hội mùa 2.000.000 đồng, 03 tháng khai 01 lần, khai ngày 20/7/2017 (âm lịch), gồm có 15 phần, hội viên gồm có ông B, bà L và một số người khác không rõ họ tên và địa chỉ. Ông B tham gia 02 phần, mỗi phần hội ông B đã góp được 06 lần, trung bình mỗi lần góp khoảng 1.750.000 đồng/phần, tổng số tiền ông B đã góp cho 02 phần hội là 21.000.000 đồng; bà L đã góp 12.000.000 đồng. Ông B và bà L đều chưa hót hội.

Tổng số tiền hội bà H, ông D nợ ông B là 68.800.000 đồng, sau đó bà H đã trả cho ông B số tiền 10.000.000 đồng, còn lại 58.800.000 đồng. Nay ông B yêu cầu bà H, ông D trả số tiền hội là 58.800.000 đồng. Bà L, bà L1, ông C, ông N và bà T không có yêu cầu trong vụ án này.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện, ông B yêu cầu bà H, ông D trả cho bà số tiền 66.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông B có thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông B chỉ yêu cầu bà H, ông D trả số tiền hui là 58.800.000 đồng. Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, có quyền chấm dứt hoặc thay đổi yêu cầu của mình. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi đơn khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông B có cung cấp 03 tờ giấy hui viết tay thể hiện 03 dây hui ngày 15/4/2016, ngày 15/8/2017 và ngày 20/7/2017 (cùng tính theo ngày âm lịch). Tại phiên tòa, ông B cho rằng đây là các giấy hui do bà H tự ghi và đưa cho ông và các hui viên. Ông chỉ biết ông có tham gia hui cùng với bà L, bà L1, ông C, ông N và bà T, còn lại tên của những người khác trong giấy hui thì ông không biết. Trong quá trình tham gia hui, bà H không cho các hui viên biết cụ thể những ai đã hót hui, do tin tưởng nên ông vẫn góp hui đầy đủ cho bà H, đến khi bế hui thì ông mới biết có một số dây hui mặc dù đã mãn nhưng vẫn còn nhiều người chưa được hót hui.

Bà L, bà L1, ông N và bà T thừa nhận các dây hui trên là có thật, ông C cho rằng có tham gia hui của bà H làm chủ hui nhưng không nhớ có chung dây hui với ông B hay không. Ông D thừa nhận việc bà H có nợ tiền hui của ông B nhưng không xác định được cụ thể bao nhiêu tiền. Do bà H và ông D đã vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không đưa ra ý kiến phản bác đối với các chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của ông B nên Hội đồng xét xử xem xét đối chiếu lời khai của các đương sự cùng với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, từ đó đã có cơ sở để xác định tổng số tiền hui bà H còn nợ ông B đối với 03 dây hui ngày 15/4/2016, ngày 15/8/2017 và ngày 20/7/2017 (ngày âm lịch) là 68.800.000 đồng, khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng bà H đã trả cho ông B thì số tiền hui mà bà H còn nợ ông B là 58.800.000 đồng.

Đối với ông D là chồng của bà H, mặc dù không trực tiếp tổ chức các dây hui trên nhưng theo ông B thì ông D là người thu tiền hui của ông góp cho bà H; đồng thời, ông D cũng tự nguyện cùng bà H trả số tiền hui mà bà H còn nợ ông B. Do đó, cần buộc ông D liên đới chịu trách nhiệm cùng bà H trả cho ông B số tiền 58.800.000 đồng là phù hợp quy định điều 27 Luật Hôn nhân gia đình.

Đối với bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Hồng L1, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Thành N và bà Trần Thị Cẩm T có tham gia một số dây hui cùng với ông B nhưng các đương sự không có yêu cầu gì trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông B được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên ông D, bà H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Ông B được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 357, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Bé B đối với bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D.

Buộc bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Bé B số tiền 58.800.000 đồng (*Năm mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D phải nộp số tiền 2.940.000 đồng (*Hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng*).

- Ông Nguyễn Văn Bé B được nhận lại số tiền 1.650.000 đồng (*Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 010775 ngày 16/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế

